TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2018/DS-ST.
Ngày: 09/11/2018.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
  2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hồ Tấn Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL tham gia phiên tòa***: Bà Phan Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 336/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Danh Chế T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp Mỹ Hòa, xã MHĐ, huyện CM, An Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Thái S, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 2, xã S, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/7/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Danh Chế T là nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/3/2018, anh T có cầm cố chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57, số máy KF 11E2198830, số khung MH1KF1124HK203013 cho tiệm cầm đồ Thái S, địa chỉ tổ 4, ấp 2, xã S, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp với số tiền là 25.000.000 đồng. Thời hạn cầm cố là 30 ngày từ ngày 10/3/2018 đến 10/4/2018, anh T đã đóng 1.800.000 đồng tiền lãi và tiền bảo quản tài sản cầm cố cho anh S. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh T phải đi làm ăn xa nên không kịp về đóng lãi kịp thời hạn. Đến ngày 20/6/2018, anh T và bà Lăng Ngọc Hương (mẹ anh T) đến tiệm cầm đồ Thái S để thương lượng chuộc lại xe và đóng lãi thì tiệm cầm đồ Thái S

nói đã bán chiếc xe gắn may hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 mà không cho anh T hay biết. Anh T thừa nhận từ ngày 10/4/2018 đến ngày 20/6/2018, anh T không đóng tiền lãi và trả tiền vốn gốc cho anh S.

Nay, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Thái S - Chủ dịch vụ cầm đồ Thái S trả lại tài sản cho anh là chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57, số máy KF 11E2198830, số khung MH1KF1124HK203013 trị giá 58.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu anh S trả giá trị chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 theo giá do Phòng Tài chính- Kế hoạch xác định là 52.650.000 đồng.

Anh T đồng ý cấn trừ số tiền đã nhận cầm cố là 25.000.000 đồng và 1.800.000 đồng tiền lãi và chi phí bảo quản tài sản đến ngày 20/6/2018, tổng cộng anh T đồng ý cấn trừ 26.800.000 đồng. Anh T yêu cầu anh S trả số tiền sau khi đã cấn trừ là 25.850.000 đồng. Anh T không yêu cầu đưa anh Lê Tự Trọng người mua xe gắn máy hiệu Vario, biên số 67L1-937.57 và tham gia tố tụng. Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền 1.800.000 đồng anh T đã đóng cho anh S vì đây là tiền lãi theo quy định và tiền chi phí phát sinh khi anh S quản lý tài sản cầm cố.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lê Thái S là bị đơn trình bày:

Ngày 10/3/2018, anh S thừa nhận có nhận cầm cố chiếc xe honda hiệu Vario 150, biên số 67L1-937.57 của anh T. Sau khi tiến hành kiểm tra giấy tờ hợp lệ và xác định chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57, chủ sở hữu là anh Danh Chế T nên anh S đồng ý cho anh T cầm cố với giá 25.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận lãi suất và chi phí quản lý tài sản cầm cố là 1.800.000 đồng/tháng. Từ ngày 10/3/2018 đến ngày 10/4/2018, anh T đóng lãi đầy đủ. Từ tháng 4/2018 đến tháng 6/2018, anh T không đóng tiền lãi suất cũng như không trả tiền vốn gốc cho tiệm cầm đồ Thái S nên tháng 6/2018, anh S đã bán chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 cho anh Lê Tự Trọng, sinh năm: 1989; địa chỉ: P.6, TP. CL, tỉnh Đồng Tháp với giá 35.000.000 đồng, địa chỉ cụ thể của anh Trọng, anh S không biết vì khi mua bán chỉ làm giấy tay. Anh S thừa nhận các giấy tờ xe bản chính có ghi địa chỉ của anh T rõ ràng nhưng khi bán xe anh S không thông báo cho anh T biết. Anh S thống nhất giá trị chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biên số 67L1-937.57 mà anh T cầm cố cho anh S có giá trị 35.000.000 đồng. Do anh S đã bán chiếc xe cho anh Trọng với giá 35.000.000 đồng, do dó anh S đồng ý trả cho anh T số tiền 35.000.000 đồng. Anh S đồng ý cấn trừ số tiền 25.000.000 đồng anh T đã cầm cố và tiền lãi và tiền bảo quản xe 02 tháng 1.800.000 đồng, tổng cộng anh S đồng ý cấn trừ số tiền 26.800.000 đồng. Anh S đồng ý trả 8.200.000 đồng cho anh T sau khi đã cấn trừ. Anh S không đồng ý giá trị chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 theo giá của Phòng Tài chính-Kế hoạch xác định, nhưng anh S không yêu cầu định giá lại. Anh S không yêu cầu đưa anh Lý Tự Trọng vào tham gia tố tụng và anh S cũng không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Trọng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định,

nên không có kiến nghị gì. Vì vậy, hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL đề nghị xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì: Anh S thừa nhận do anh T không đóng tiền lãi và trả tiền vốn nên tháng 6/2018 anh S tự ý bán chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biên số L1-937.57, do anh T đứng tên chủ sở hữu mà không thông báo cho anh T biết. Công văn số: 62/TCKH-HC ngày 17/10/2018 của Phòng Tài chính-Kế hoạch xác định chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 có giá trị 52.650.000 đồng. Do đó, buộc anh S có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 52.650.000 đồng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh T yêu cầu anh S trả lại chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 mà anh T đã cầm cố ngày 10/3/2018. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu anh S trả giá trị chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 theo giá do Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện CL xác định là 52.650.000 đồng. Anh S đã bán chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57, chủ sở hữu là anh T với giá 35.000.000 đồng nên anh S đồng ý trả số tiền 35.000.000 đồng cho anh T. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Do bị đơn có địa chỉ: ấp 2, xã S, huyện CL nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện CL theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu anh S trả giá trị chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 theo giá của Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện CL xác định là 52.650.000 đồng mà ngày 10/3/2018 anh T cầm cố cho tiệm cầm đồ Thái S, hội đồng xét xử nhận định: Ngày 10/3/2018, anh T có cầm cố chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 cho tiệm cầm đồ Thái S là có thật vì được anh T, anh S thừa nhận và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Từ tháng 4/2018 đến tháng 6/2018, anh T không trả tiền lãi cho anh S nên tháng 6/2018 anh S đã bán chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 cho anh Lê Tự Trọng với giá 35.000.000 đồng. Anh S thừa nhận khi bán chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 không thông báo cho anh T biết. Hợp đồng cầm cố ngày 10/3/2018, không có thỏa thuận anh S được quyền bán chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57. Do đó, tháng 6/2018, anh S bán chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 mà anh T đã cầm cố là không phù hợp theo quy định tại Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Do anh S đã bán chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 cho anh Trọng với giá 35.000.000 đồng. Anh T yêu cầu anh S trả giá trị chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 với giá 52.650.000 đồng. Công văn số:

62/TCKH-HC ngày 17/10/2018 của Phòng Tài chính-Kế hoạch xác định chiếc xe môtô hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 có giá trị 52.650.000 đồng. Do đó, buộc anh S có nghĩa vụ trả cho anh T 52.650.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 315 Bộ luật dân sự năm 2015. Anh T, anh S đồng ý cấn trừ nợ tổng cộng 25.800.000 đồng. Do đó, buộc anh S có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 25.850.000 đồng. Anh S đồng ý trả cho anh T 8.200.000 đồng là không phù hợp.

[5] Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu của anh T, buộc anh S có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 52.650.000 đồng vì anh S tự ý bán chiếc xe gắn máy hiệu Vario 150, biển số 67L1-937.57 mà không cho anh T biết. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Anh S phải chịu 1.292.500 đồng tiền án phí án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.450.000 đồng theo biên lai số 0000531 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314, Điều 315 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xư:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Danh Chế T. Buộc anh Lê Thái S có nghĩa vụ trả cho anh Danh Chế T số tiền 25.850.000 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Anh Lê Thái S phải chịu 1.292.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Danh Chế T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 1.450.000 đồng theo biên lai số 0000531 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

- Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu (HS).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

(Đã ký)

Trần Hữu Hà

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Lương Thị Kim Vân	**Phạm Phước Tâm**	**Trần Hữu Hà**

CÁC HỘI THẨM	CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hồ Thị Mai Hương - Võ Thị Điệp	**Nguyễn Hoàng Phong**